

TÁC ĐỘNG CỦA NHÂN TỐ LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ MỞ RỘNG QUYỀN LỰC CỦA NƯỚC MỸ

NGUYỄN THÁI YÊN HƯƠNG*

Cho đến nay quyền lực là một trong những phạm trù trung tâm của khoa học xã hội nói chung cũng như trong chính trị quốc tế nói riêng. Các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều tìm cách khẳng định vị trí và quyền lực của mình tại khu vực hoặc trên toàn thế giới, nếu xét về phương diện rộng hơn. Trong cục diện nhất siêu, đã cường được hình thành từ sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, chúng ta không thể phủ nhận một thực tế là dù không phải là chủ thể duy nhất, chi phối tuyệt đối mọi vấn đề trong quan hệ quốc tế, song Mỹ không ngừng tìm cách củng cố và mở rộng quyền lực và ảnh hưởng trên trường quốc tế. Câu hỏi đặt ra cho các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách chính là: tại sao một nước Mỹ với “tuổi đời” chưa được 250 năm, được gây dựng bởi chính những người di cư từ châu Âu sang vùng “Tân thế giới” lại có thể nhanh chóng tạo được vị thế của mình trên trường quốc tế, một “sân chơi” đã được xây dựng hàng trăm năm bởi chính người châu Âu? Những yếu tố nào đã mang lại quyền lực cho nước Mỹ non trẻ và giúp Mỹ không ngừng xác lập quyền lực của mình tại Tân thế giới và mở rộng quyền lực sang “Cựu thế giới” - quê hương của chính

những người góp phần xây dựng nên nước Mỹ? Nhằm giải đáp những câu hỏi này, bài viết sẽ tập trung vào các vấn đề sau: 1. Một số nhân tố đưa đến việc theo đuổi quyền lực của các cường quốc; 2. Những cơ sở lịch sử tạo nên tư tưởng mở rộng quyền lực của Mỹ và 3. Nhân tố văn hóa trong quá trình mở rộng quyền lực của Mỹ.

I. MỘT SỐ NHÂN TỐ ĐƯA ĐẾN VIỆC THEO ĐUỔI QUYỀN LỰC CỦA CÁC CƯỜNG QUỐC

Quyền lực là một trong những phạm trù được sử dụng để chỉ tiềm năng của mỗi con người và quốc gia. Đối với chính trị quốc tế thì quyền lực chính là cốt lõi, vì quyền lực là mục tiêu cơ bản nhất của chính sách đối ngoại, quốc phòng và việc đảm bảo độc lập và lãnh thổ quốc gia (1). Theo từ điển về Chính trị và chính phủ Mỹ thì quyền lực quốc gia là khả năng thực hiện ý chí của quốc gia dựa trên sức mạnh quốc gia được tạo nên bởi nhiều yếu tố như vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên, trình độ kỹ thuật, tiềm lực quân sự (bao gồm cả công nghệ quốc phòng, năng lực của giới lãnh đạo, chất lượng và số lượng của quân đội), dân số, đặc điểm dân tộc, tinh thần dân tộc,

*TS. Học viện Quan hệ quốc tế

đường lối đối ngoại, chính phủ (2). Sự tác động của các yếu tố này tới quyền lực quốc gia là khác nhau giữa những thời kỳ khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh thế giới cũng như tình hình bên trong của mỗi quốc gia. Bên cạnh đó, có quan điểm cho rằng đó là khả năng của một quốc gia trong tương quan với quốc gia khác. Một thứ mà như Mao Trạch Đông cho là “phát ra từ nòng súng” (3). Và như cựu Ngoại trưởng Henry A. Kissinger thì đó là “chất kích thích tối thượng” (4).

Khi xem xét quyền lực theo góc độ tác động qua lại giữa các quốc gia thì ảnh hưởng của một quốc gia không chỉ xác định bởi khả năng của quốc gia, mà còn bởi: 1) Ý muốn của quốc gia đó về sử dụng khả năng của mình và 2) Việc quốc gia đó khống chế hoặc gây ảnh hưởng đến quốc gia khác. Như vậy, quyền lực của một các gia có thể nhìn nhận được bằng cách quan sát hành vi của các quốc gia khi họ tác động qua lại lẫn nhau. Và tác động qua lại đó có thể được thể hiện bằng những hành vi can thiệp quân sự, mở rộng ảnh hưởng chính trị và văn hóa. Các nhà hiện thực chủ nghĩa thường đưa ra nhiều giả định liên quan đến nhân tố đưa đến việc mở rộng quyền lực của một quốc gia (5). Có thể nêu ra một số nhân tố quan trọng sau:

Đầu tiên cần tính đến là lợi ích an ninh của quốc gia, lợi ích dân tộc mà trong thời đại hiện nay là lợi ích kinh tế - một trong những động lực thúc đẩy các nước mở rộng thị trường, tăng cường cạnh tranh hoặc xây dựng các mối quan hệ liên kết bởi vì “theo đuổi lợi ích quốc gia là cốt lõi của lựa chọn” (6) chính sách của mỗi quốc gia. Trong khi các nhà chính trị học nhấn mạnh đến sức mạnh và quyền lực mà các quốc gia lớn có thể áp đặt đối với các nước nhỏ hơn thì các nhà xã hội học lại đi tìm nguồn gốc và

chuẩn mực nhằm đánh giá những hành vi mà họ gọi là “bá quyền”. Những người theo chủ nghĩa đa nguyên và toàn cầu cũng nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của các nhân tố kinh tế. Họ coi các vấn đề xã hội và kinh tế ít nhiều cũng quan trọng ngang hàng với vấn đề an ninh được các nhà hiện thực đề cao. Như vậy, một điều rõ ràng là chính tính toán lợi ích được hỗ trợ bởi sức mạnh của mỗi nước và mong muốn mở rộng quyền lực đã tạo nên chính sách và chương trình hành động của quốc gia đó.

Thứ đến là sự phân bổ quyền lực hoặc gọi cách khác chính là cạnh tranh ảnh hưởng cũng là tác nhân đưa đến việc mở rộng quyền lực của mỗi nước lớn. Cạnh tranh ảnh hưởng chính trị giữa các nước lớn thường gắn liền với các hoạt động quân sự lẫn kinh tế chứ những người theo chủ nghĩa hiện thực thì “các quốc gia luôn tìm cách “tối đa hóa việc nắm giữ quyền lực thế giới. Các nước luôn tìm cách làm cho cán cân quyền lực thay đổi theo hướng gia tăng sức mạnh so với đối thủ tiềm tàng của mình”. Và các nước thường sử dụng nhiều phương tiện - kinh tế, chính trị, quân sự - để thay đổi cán cân quyền lực có lợi cho mình, ngay cả khi hậu quả tạo nên sự thù địch và nghi kỵ từ nước khác (7).

Tiếp theo là sức mạnh của mỗi nước hoặc nói theo cách khác là tiềm lực của từng quốc gia cũng là nhân tố quan trọng thúc đẩy các nước khẳng định vị trí của mình trong hệ thống chính trị thế giới. Lịch sử thế giới đã cho thấy trong mỗi giai đoạn nhất định, đều có một cường quốc ngự trị và chi phối hệ thống này. Ví dụ, trong thế kỷ XIV- XV, Vương quốc Anh được coi là nước đế quốc có quyền lực ở châu Âu. Trong thời kỳ này, với tiềm lực kinh tế, quân sự của mình Anh đã có một hệ thống thuộc địa rộng lớn, trải dài, thậm chí sang cả vùng

đất Tân thế giới. Tuy nhiên, được thành lập từ 13 bang thuộc địa của Anh (năm 1776), sau gần 2 thế kỷ Mỹ đã thay Anh trở thành một cường quốc thế giới. Mỹ đã từng bước khẳng định mình và vượt ra ngoài biên giới trở thành một nước lớn trên thế giới. Đến lượt mình, Mỹ đã và đang từng bước mở rộng quyền lực của mình. Tuy nhiên, khác với đế quốc Anh già cỗi trước đây, nước Mỹ tư bản non trẻ đã mở rộng quyền lực của mình không chỉ trong phạm vi quân sự, an ninh mà còn cả ở lĩnh vực văn hóa, giáo dục mà hiện tại được đề cập đến theo khái niệm sức mạnh cứng và sức mạnh mềm.

Và cuối cùng là bối cảnh thế giới và khu vực từng thời điểm lịch sử tác động đến các tính toán chiến lược của cường quốc đó. Môi trường quốc tế và khu vực có khả năng hạn chế và cũng là điều kiện thúc đẩy những tính toán chiến lược hoặc những mưu đồ của các quốc gia. Lý do chính là vì tất cả các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, đều có những lựa chọn trong chiến lược đối ngoại của mình trong phạm vi của hệ thống quốc tế (8). Bên cạnh đó, việc nghiên cứu bối cảnh quốc tế và khu vực như là một nhân tố để xem xét việc mở rộng quyền lực của các cường quốc sẽ giúp hiểu rõ được thứ bậc thực tế của quốc gia đó trong toàn bộ hệ thống. Từ đó, giúp lý giải sự khác nhau về chiến lược đối ngoại và việc triển khai chính sách đó của các quốc gia, bởi vì theo Kenneth Waltz vị trí quốc gia trong toàn bộ cấu trúc hệ thống sẽ “tạo ra các hành xử (của quốc gia) và làm cho kết quả của các hành xử đó trở nên có thể dự đoán được” (9).

Như vậy, với những khái niệm đã nêu và các yếu tố rút ra từ những diễn biến và phát triển trong quan hệ của các nước thì có thể thấy rõ rằng, mở rộng quyền lực là hành động tất yếu của các cường quốc.

Chính nỗi lo ngại về sự vượt trội của các nước khác, tham vọng tối đa hóa quyền lực của mình đã làm cho thế giới tiếp tục phải chứng kiến các hình thức mở rộng quyền lực đa dạng đang diễn ra tại các khu vực.

II. CƠ SỞ LỊCH SỬ TẠO NÊN TƯ TƯỞNG MỞ RỘNG QUYỀN LỰC CỦA MỸ

Mỹ là quốc gia trẻ so với nhiều nước tư bản phương Tây khác, nhưng chỉ trong thời gian ngắn Mỹ đã loại bỏ các đối thủ và mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình. Và đến thời gian hiện tại, ấn tượng của thế giới về Mỹ luôn gắn với hình ảnh của những anh chàng cao bồi miền Tây và những lần lướt các quốc gia nhỏ khác. Khác hẳn với các quốc gia khác, nước Mỹ ngay từ thời lập quốc, nền tảng cho mở rộng quyền lực đã phiêu thai và phát triển dựa trên tiềm năng kinh tế và yếu tố địa lý thuận lợi. Những cơ sở đó là:

1 Nền tảng tư tưởng đầu tiên của những người nhập cư

Sau phát hiện của Columbus về một “Tân thế giới” năm 1492 các dòng người di cư từ “Cựu thế giới” sang vùng đất mới diễn ra ồ ạt. Khu định cư đầu tiên của người Anh tại Tân thế giới được thiết lập tại Jamestown, theo chiếu chỉ của vua James đệ nhất ban hành cho Công ty Virginia (hay Công ty London) vào năm 1607. Tiếp theo Jamestown, những khu định cư khác dần dần được hình thành, trong số đó thuộc địa Vịnh Massachusetts là nơi nòng đẽ và tạo điều kiện cho ý tưởng “thành phố trên đỉnh núi” đơm hoa và kết trái, tác động mạnh mẽ đến chính sách của nước Mỹ sau này.

John Winthrop (1587-1649) là một trong những người Thanh giáo Anh thực hiện chuyến vượt biển sang vùng Tân thế giới.

Thay vì tìm cách chống chọi lại với những thói hư tật xấu tại một “thế giới lỗi thời” của Anh giáo, ông đã hy vọng xây dựng tại New England một nhà thờ thật sự có thể trở thành khuôn mẫu cho các nhà thờ ở Anh. Ông là một người tin vào chúa và tin rằng chúa sẽ trừng trị Vương quốc Anh về sự dị giáo và những người Thanh giáo Anh cần một vùng đất cách xa nước Anh để những người con của chúa được an bình (10). Theo ông “Chúa đã sàng lọc cả một dân tộc từ nước Anh để có thể chuyển những hạt giống tốt nhất tới mảnh đất hoang dã là Mỹ quốc này” (11). Họ muốn xây dựng ở Mỹ những đồn điền “giống hệt như những đồn điền ở New England. Bởi vì chúng ta sẽ giống như những thành phố nằm trên đỉnh núi (*A city upon a hill*), mọi mắt của mọi dân tộc sẽ hướng về chúng ta” (12). Tuyên bố này đã được ông đưa ra vào mùa xuân 1630 khi ông và một nhóm người Thanh giáo vượt biển đến Vịnh Massachusetts trên vùng đất thuộc Tân thế giới. Những người Thanh giáo và những người Thanh giáo phân lập (13) đều cùng chia sẻ suy nghĩ này của Winthrop. Tư tưởng “thành phố trên đỉnh núi” không phải là ý tưởng xây dựng vùng đất thánh như trong kinh thánh của người Cơ đốc giáo. Đây là giấc mơ xây dựng một xã hội hoàn hảo do chúa tạo nên. Đây cũng là khởi nguồn của chủ nghĩa biệt lập của người Mỹ. Ý tưởng này khiến cho người Mỹ cho rằng họ ưu việt hơn bất kỳ dân tộc, quốc gia nào khác, họ là một ngoại lệ (*exceptionism*) trên thế giới, hoặc nước Mỹ là một quốc gia thượng đẳng, là trung tâm của tất cả (*nombrilism*). Quan điểm này được người Mỹ hiện nay tiếp tục duy trì không kể họ là người thuộc phe bảo thủ hay tự do. Và tư tưởng “thành phố trên đỉnh núi” đã được phản ánh đến trong tác phẩm nổi tiếng “Lương tri” của Thomas Paine trong đó nêu

rõ rằng Cách mạng Mỹ là nhằm tạo nên cơ hội cho việc xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn. Và bản thân nó cũng chính là nguồn gốc cho khái niệm “vận mệnh được định sẵn” - Manifest Destiny, được nhiều người biết đến khi nói về nước Mỹ trong giai đoạn lịch sử sau này.

2 Tư tưởng “vận mệnh được định sẵn” - The Manifest Destiny

“Manifest Destiny” - Vận mệnh được định sẵn, là một khái niệm chung được hình thành trong thời kỳ đầu, đây không phải là chính sách do chính quyền của bất kỳ đời tổng thống Mỹ nào trong lịch sử. Đây là niềm tin xuất phát từ giấc mơ của những người Thanh giáo về “một quốc gia đặt dưới chúa”.

Khái niệm “Manifest Destiny” được nhà báo John L. O’Sullivan đưa ra vào năm 1845 trong bài báo “Sự thôn tính” (14) trong Tạp chí *Democratic Review*. John L. O’Sullivan đã thúc đẩy Mỹ thôn tính Cộng hòa Mexico, không phải vì Mexico mong muốn như vậy mà vì “vận mệnh được định sẵn của chúng ta là phải mở rộng ra toàn bộ vùng lục địa được thượng đế ban cho vì sự phát triển tự do cho hàng triệu người dân (15). Tiếp đó, tháng 12 năm 1845, ông sử dụng khái niệm này trong tờ báo *New York Morning News* khi đề cập đến cách giải quyết xung đột biên giới với Anh về vùng Oregon. Theo O’Sullivan thì Mỹ hoàn toàn có quyền sở hữu vùng Oregon bởi vì “lời tuyên bố này dựa vào quyền có vận mệnh được định sẵn của chúng ta đối với việc mở rộng và sở hữu toàn bộ lục địa mà chúa đã trao cho chúng ta vì sự phát triển của sự trải nghiệm vĩ đại về tự do và về một chính phủ liên bang tự điều hành chúng ta được giao phó”. Ông tin rằng chúa đã trao cho nước Mỹ sứ mệnh phát triển nền dân chủ cộng hòa (sự trải nghiệm vĩ

đại về tự do) trên toàn khu vực Bắc Mỹ và “vận mệnh được định sẵn” chính là ý tưởng đạo đức (một “luật cao hơn hẳn”) vượt trội trên mọi những luồng suy nghĩ khác (16). Về thực chất, tư tưởng ban đầu của O’Sullivan không phải là khuyến khích cho việc mở rộng lãnh thổ của Mỹ bằng vũ lực. Theo ông, việc mở rộng lãnh thổ của Mỹ sẽ được thực hiện mà không có sự can thiệp trực tiếp của chính phủ hoặc không phải sử dụng vũ lực. Trường hợp của Texas là ví dụ cho sự tự nguyện gia nhập Liên bang. Ông cho rằng, tiếp sau Texas sẽ là những bang khác gia nhập Liên bang theo phương thức này. Đến cuối thế kỷ XIX, khái niệm này đã được vận dụng nhằm lý giải cho việc Mỹ mở rộng lãnh thổ ra ngoài khu vực Bắc Mỹ. Cùng với sự phát triển của lịch sử, khái niệm này được mang nhiều nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, nó thường được sử dụng theo nghĩa nước Mỹ được “chọn ra” để tạo nên quyền lực chính trị bao trùm đối với toàn bộ lục địa Bắc Mỹ.

Người Mỹ tự coi mình có nhiệm vụ hoàn thành sứ mệnh của Đức Chúa Trời trong việc mở rộng dân chủ ra toàn khu vực Bắc Mỹ, sau này là cả thế giới. Cuộc chiến tranh giành độc lập từ người Anh (1783) đã tạo cho người Mỹ cảm giác họ có vị trí đặc biệt so với mọi dân tộc khác. Với thắng lợi trước một đối thủ mạnh vào bậc nhất thế giới thời bấy giờ, người Mỹ đã tự cho rằng “Thượng đế” đứng về phía họ. Ý nghĩ này tiếp tục chi phối người Mỹ khi họ tham gia vào các cuộc xung đột bởi vì họ cho rằng thắng lợi của họ là một bước đóng góp vào việc xây dựng “thiên đường của chúa” (17) trên thế giới. Đối với đa số người Mỹ, cho dù đó là thương gia, chính khách hoặc nhà tu hành, Đức Chúa Trời được coi là một bộ phận trong đời sống. Họ coi nước Mỹ là một đất nước được đặt dưới

chúa và thừa hành mọi sứ mệnh do chúa ban cho để có thể hoàn thành “giấc mơ Mỹ”.

“Vận mệnh được định sẵn” thường gắn với việc mở rộng lãnh thổ của Mỹ trong giai đoạn từ 1815 đến 1860, giai đoạn từ sau khi cuộc chiến tranh 1812 với Anh đến khi nước Mỹ chuẩn bị bước vào cuộc Nội chiến. Giai đoạn này cũng được gọi là “kỷ nguyên của Vận mệnh được định sẵn”. Vận mệnh được định sẵn còn mang hàm ý những người dân “chưa được văn minh hóa” có khả năng trở nên tốt đẹp hơn khi có cơ hội tiếp xúc với những giá trị dân chủ của Mỹ. Khi Nội chiến Mỹ (1861-1865) xảy ra thì “kỷ nguyên của Vận mệnh được định sẵn” chấm dứt. Và đến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, khái niệm “Vận mệnh được định sẵn” không còn được nhắc đến nhiều. Đến thời kỳ của Tổng thống Roosevelt vị trí nước Mỹ đã được khẳng định, mối quan tâm của Mỹ không còn tập trung vào việc mở rộng lãnh thổ như thời kỳ trước đây mà tập trung vào việc “đóng vai trò cảnh sát quốc tế” để bảo vệ quyền lợi của Mỹ ở Tây bán cầu. Mặc dù sang thế kỷ XX, nó không còn được nhắc đến như thời kỳ trước, nhưng nhiều nhà nghiên cứu cho rằng nhiều tố chất của “Vận mệnh được định sẵn”, đặc biệt là niềm tin vào “sứ mệnh” trao cho nước Mỹ đối với việc củng cố và bảo vệ dân chủ trên toàn thế giới vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến tư tưởng chính trị của Mỹ (18). Đó chính là cái mà người Mỹ cho rằng “mình có nhiệm vụ dẫn đường cho những dân tộc vẫn ở trong bóng tối” (19).

3 Phong trào Tây tiến mở rộng lãnh thổ Mỹ

Cuộc đấu tranh giành độc lập của người Mỹ đã kết thúc năm 1776 bằng *Tuyên ngôn độc lập*, một quốc gia độc lập với quốc kỳ, quốc huy riêng và trải dài trên một vùng

lãnh thổ rộng lớn chính thức ra đời. Đây chính là thắng lợi của người Mỹ trong cuộc chiến giành quyền lực chính trị với người Anh ở chính quốc. Tuy nhiên, người Mỹ đã không tự mãn với thắng lợi của mình. Vốn là những người ưa mạo hiểm, tham vọng khám phá, trong thời kỳ đầu dựng nước này người Mỹ đã tiếp tục khẳng định quyền lực của mình thông qua việc ổn định tình hình trong nước và mở rộng lãnh thổ.

Đầu thế kỷ XIX, với sự phát triển của hệ thống giao thông - đường thủy và đường bộ lúc này được mở rộng đến gần những khu vực hẻo lánh - những người "tiên phong" đã coi vùng đất miền Viễn Tây như là nơi mang đến sức sống mới. Từ miền Đông, nơi đất đai không còn đem lại năng suất cao trong sản xuất nông nghiệp, những đoàn người gồm các nhà buôn, người đào vàng và nhà thầu khoán liên tiếp rời bỏ các trang trại và làng mạc vùng ven biển, đi tới vùng đất màu mỡ nằm sâu trong lục địa nhằm tìm kiếm cơ hội mới. Họ tìm các địa điểm thành lập nơi định cư mới, lập làng xóm, khai khẩn đất đai và đi theo họ là các thầy thuốc, luật sư, chủ cửa hàng, các nhà truyền giáo và cả các nhà chính trị.

Đòng người di cư tiến về miền Tây đã góp phần hình thành nên đường biên giới mới, đó là những vùng biên cương như nhà xã hội học Jackson Turner đã miêu tả "là điểm gặp gỡ giữa những con người hoang dã và con người văn minh" (20). Những người định cư nhanh chóng xây dựng nên các trang trại mới, với hệ thống đường sá, trường học phục vụ cho cuộc sống của họ. Những người đầu cơ đất đai thì mua những khoảng đất rộng, rẻ tiền và khi được giá, họ bán lại cho người mới đến, để rồi lại tiếp tục đi xa hơn nữa về miền Tây. Những biến đổi diễn ra vô cùng nhanh chóng. Vào năm 1847, bang Utah chỉ là một bãi sa mạc,

nhưng nhờ công đắp đập, đào mương của những người thuộc cộng đồng tôn giáo "Giáo hội của Chúa Jesus Christ các Thánh trong ngày cuối cùng" (*The Church of the Jesus Christ of Latter day Saints*), vùng đất này đã trở nên trù phú. Không lâu sau, xung quanh thánh địa của họ đã mọc lên thành phố rộng lớn khang trang, đó là Salt Lake City. Vùng đất đầu tiên của nước Mỹ lúc đầu ở bờ bên kia của dãy núi Appalachia, sau đó, nó chuyển sang những vùng đất hiện nay vẫn được gọi là miền Trung Tây (Midwest). Thời kỳ tiếp theo, nó đi ngang qua Mississippi và đến năm 1853, người Mỹ đã chiếm toàn bộ phần phía Tây của nước Mỹ thông qua việc mua bán, chinh phục và ký hiệp ước. Một số bang mới hình thành và gia nhập vào Liên bang, trong thời gian 1816 đến 1821, có sáu bang mới được thành lập là: Indiana, Illinois và Main (đây là 3 bang tự do) và Mississippi, Alabama và Missouri (3 bang nô lệ). Dòng người tiến về miền Tây vào đầu thế kỷ XIX đã tạo nên sự phân chia mới đối với lãnh thổ của nước Mỹ, góp phần tạo nên những đường biên giới mới. Với sự sáp nhập thêm các bang mới, vùng phía Đông của Mississippi đã được xác định.

Phong trào Tây tiến này đã có những tác động nhất định tới bản sắc của người Mỹ và xã hội Mỹ. Lý do chính cư dân đến định cư ở miền biên giới là những nhóm người táo bạo, liêu lĩnh và chịu được gian khổ. Họ đã rời bỏ miền Đông, nơi cảm thấy tù túng để khai phá những vùng đất mới, mở rộng biên cương với tinh thần tự tin mạnh mẽ, một bản năng hành động liên tục, không sợ rủi ro, nguy hiểm. Họ ra đi với một niềm tin chắc chắn rằng một chân trời tốt đẹp đang chờ đợi ở phía trước. Đây chính là một trong số những đặc tính nổi bật của người Mỹ. Cho đến cả thời kỳ hiện

tại những kỷ niệm về công cuộc tiến về miền Tây, mở rộng lãnh thổ để lại ấn tượng khá lớn đối với người Mỹ. Và ngay khi người Mỹ bắt đầu thay đổi bộ mặt của mảnh đất họ sinh sống, thì chính bản thân họ cũng được thay đổi trong mối tương tác qua lại với công việc của mình. Phải chăng đây cũng là nền tảng tạo nên cho người Mỹ luôn muốn vươn ra ngoài lãnh thổ của mình.

Như vậy, với lịch sử hình thành và phát triển của đất nước mình, một cách tự nhiên, con người Mỹ đã mang trong mình ý muốn khẳng định vị trí của mình trên thế giới ngay từ khi lập quốc. Chính lịch sử nhập cư, xây dựng quốc gia bằng tư tưởng “thành phố trên đỉnh núi” và quá trình mở rộng lãnh thổ bằng các phong trào Tây tiến và mua bán đất đai đã hình thành nên những học thuyết về văn hóa tạo nên chủ nghĩa bành trướng và đưa giá trị Mỹ ra bên ngoài lãnh thổ Mỹ liên tiếp nhiều thế hệ.

III. NHÂN TỐ VĂN HÓA TRONG QUÁ TRÌNH MỞ RỘNG QUYỀN LỰC CỦA MỸ

Alexis De Tocqueville đã hoàn toàn đúng khi nhận xét rằng: “Mỹ là trường hợp duy nhất có những điểm xuất phát hoàn toàn rõ ràng để hình thành nên một quốc gia vĩ đại” (21). Vì vậy, các nhà nghiên cứu không thể đề cập đến những đặc tính văn hóa của Mỹ như khi nghiên cứu các quốc gia tư bản phát triển khác. Chỉ trong khoảng thời gian gần ba thế kỷ hình thành và phát triển, người Mỹ đã xây dựng nên một chế độ “tư bản điển hình”, một điển hình về sự kế thừa bản sắc văn hóa châu Âu nhưng chịu ảnh hưởng và tác động không nhỏ bởi quan niệm về đạo lý và lối sống của Thanh giáo thời kỳ cải cách (22). Là cường quốc có tuổi đời trẻ nhất và cũng là cường quốc duy nhất mà trong quá trình

phát triển không trải qua giai đoạn dài của đêm trường Trung cổ và thời kỳ phong kiến song từ khi thành lập đến nay nước Mỹ đã không ngừng khẳng định và mở rộng quyền lực của mình. Mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, người Mỹ lại có những chiến lược khác nhau nhằm khẳng định, củng cố và mở rộng quyền lực. Nói cách khác nước Mỹ luôn thực hiện được những ý đồ của mình, tác động đến các quốc gia khác nhằm mang lại cho mình những lợi ích tối ưu nhất phù hợp với từng thời kỳ cụ thể.

Lịch sử nước Mỹ vẫn sẽ còn nhiều thay đổi, nhưng điều đó không có nghĩa là giới học giả không thể đưa ra được những ý tưởng chủ đạo thường xuyên tồn tại trong xã hội được một số học giả, đặc biệt là học giả Mỹ đúc kết để có thể lý giải được những cách ứng xử được coi là “bá quyền” hoặc “mở rộng ảnh hưởng”, “giá trị Mỹ ra bên ngoài” mà quốc gia này đã triển khai. Để hiểu được mối quan hệ giữa văn hóa và việc mở rộng quyền lực của Mỹ trên thế giới, có thể lý giải nhận thức của người Mỹ theo những nhân quan khác nhau như sau:

1. Tinh cách ưa sử dụng bạo lực của người Mỹ dưới góc độ Thuyết Darwin xã hội

Thuyết Darwin xã hội (23) - cho rằng con người sống trong xã hội cũng theo quy luật đào thải như trong rừng núi, những người phù hợp với hoàn cảnh nhất sẽ là những người tồn tại được. Thuyết Darwin về tự nhiên đã được một số nhà nghiên cứu xã hội phương Tây trong đó đi đầu là Herbert Spencer, người Anh vận dụng để giải thích các hiện tượng trong xã hội con người. Năm 1851, ông đã xuất bản cuốn sách đầu tiên về chủ nghĩa tư bản cạnh tranh tự do cho rằng một hệ thống kinh tế có hiệu quả cần cho phép cạnh tranh trong kinh doanh mà không có sự can thiệp của nhà nước. Theo

Herbert Spencer thì cạnh tranh là quy luật của cuộc sống và chỉ những người phù hợp với hoàn cảnh nhất sẽ là những người còn sống sót. Theo ông những người thích ứng được với hoàn cảnh là những người có được tác phong công nghiệp, có mong muốn sở hữu tài sản, và có khả năng tạo nên của cải. Trong khi những người còn lại chỉ là những người lười biếng, ngu ngốc và vô đạo đức. Theo Spencer thì những người không phù hợp cần dần dần được loại bỏ vì họ không có khả năng cạnh tranh. Và chính phủ không nên can thiệp vào quá trình này, bởi vì như vậy là sẽ gây cản trở cho quá trình văn minh hóa (24).

Học thuyết này cũng lý giải cho tính cạnh tranh cao trong xã hội Mỹ. Theo cách giải thích của thuyết Darwin xã hội thì nước Mỹ luôn luôn tồn tại các cuộc chạy đua để thích nghi và để giành chiến thắng. Kẻ mạnh nuốt chửng kẻ yếu, khôn thì sống nhưng những kẻ tồn tại được lại giúp người yếu đứng dậy. Các nhà đại tư sản luôn tìm cách tiêu diệt các đối thủ của mình, rồi sau đó lại tìm cách giúp họ. Thuyết này thừa nhận chủ nghĩa bành trướng: vì đây được coi là phần thưởng chính đáng cho kẻ thắng cuộc. Nó mặc nhiên yêu cầu có sự thích ứng để luôn có những cuộc khởi hành mới, nó gắn chặt với tinh thần lạc quan và dũng cảm của người Mỹ (25)*. Đây là một trong những thuyết được nhiều nhà triết học và xã hội sử dụng góp phần lý giải cho tư tưởng nước lớn của người Mỹ.

Không ít học giả đã cho rằng Mỹ đã trở thành một đế chế, thay vì tiếp tục phát huy nền cộng hòa của một nước lớn thông thường. Xuất thân từ những con người có đầy đủ ý chí và dũng khí để làm một việc mà ít ai dám làm thời kỳ đó, người Mỹ luôn có suy nghĩ coi mình vị trí cao hơn người khác, được quyền “can thiệp, giúp đỡ” (hoặc

đôi lúc can thiệp trực tiếp) đối với hầu như tất cả các nước và khu vực trên thế giới. Kinh nghiệm tiếp theo trong lịch sử phát triển của Mỹ cùng với niềm tin tôn giáo, cũng góp phần tạo nên suy nghĩ trong người Mỹ cho sự thất bại của kẻ thù giúp tạo nên các thế giới mới. Ngoài việc tham gia tích cực vào tất cả các hoạt động trong mọi tổ chức quốc tế để bảo vệ quan điểm và quyền lợi của mình, nước Mỹ cũng không ngần ngại đơn phương kiểm soát, phân tích, vận động, răn đe, nói chung là can thiệp vào bất cứ lĩnh vực gì cảm thấy mình có quyền và có lợi.

Với người Mỹ, bạo lực và đàn áp được coi là có hiệu quả hơn là ngăn ngừa. Bản chất hung hăng, táo tợn của những người dân di cư kết hợp với sự phát triển nhanh chóng, thế mạnh vượt trội về mọi mặt đã biến nước Mỹ thành một siêu cường, tạo cho người dân Mỹ dễ dàng chấp nhận khả năng sử dụng sức mạnh, đặc biệt về quân sự để chi phối các nước khác. Nước Mỹ được coi là biểu tượng của “sự ngoại lệ” đối với những người nhập cư, và là một lục địa kết hợp giữa quyền lực, sức mạnh và cả những mối lo ngại nhất đối với các dân tộc trên thế giới. Chính ý tưởng về “sự ngoại lệ” đã làm cho người Mỹ có cảm giác mình siêu đẳng hơn bất kỳ dân tộc nào trên thế giới, và tự cho mình cái quyền thế chân những người ở Thế giới cũ và chà đạp lên hàng triệu người Mỹ bản địa. Một trong những nhận xét đáng chú ý của Creoveur, dưới góc độ cho dù mộc mạc, đơn giản của một người nông dân thì nước Mỹ của ông chính là kết quả từ những cuộc xua đuổi và xâm chiếm đất đai của người Mỹ bản địa. Trong một lá thư ông đã nêu nhận xét của mình “những người bản xứ đã biến mất hoặc là trong các cuộc chiến tranh chống lại của người châu Âu hoặc họ bị xua đuổi, tập trung tại

những thị xã cổ của họ, trong sự khinh miệt và lãng quên... Có rất nhiều bộ tộc đã từ bỏ quyền lực tối cao của mình cho người da trắng, rút lui về những vùng đất cổ kính của họ, thu lượm những tàn dư rải rác của những nhóm người đã từng tồn tại khá đông đúc... Họ đã quên những lối sống của tổ tiên họ, họ cư ngụ một cách hòa bình, và chỉ trong ít năm tất cả lãnh thổ của họ đã được bao bọc bởi số người châu Âu ngày càng tăng, và kết quả là họ đã trở nên thụ động, không sẵn sàng hoặc chỉ tuân theo cách thức buôn bán của chúng ta và chỉ trong một vài thế hệ đã hoặc hoàn toàn biến mất hoặc thống nhất lại trong những vùng đất nhỏ. Vận mệnh của những quốc gia đã có thời luôn thiện chiến và độc lập chỉ còn lại những vùng đất nhỏ như ốc đảo là tàn dư" (26).

Thiếu sự tôn trọng và học hỏi các nền văn minh khác, Mỹ thường có thái độ thù địch, thiên về sử dụng vũ lực trong giải quyết với các nền văn hóa khác với giá trị của Mỹ. Trong ký ức của người Mỹ, không có cuộc chiến tranh xâm lược nào nổ ra trên đất nước họ cho đến tận khi xảy ra sự kiện 11-9-2001. Điều này cũng khiến cho vũ lực trở thành một công cụ hấp dẫn hơn trong xử sự với bên ngoài, nhất là khi thắng lợi nhanh chóng là chắc chắn và chi phí bỏ ra được coi là khá ít ỏi (27).

Không giống như nhiều nước khác, theo quan điểm của người Mỹ thì các vấn đề phiền phức xảy ra ở một nước khác là đáng phải được giải quyết theo ý muốn của Mỹ khi Mỹ quyết định can thiệp. Khi những phát súng đầu tiên của cuộc Cách mạng Mỹ bắt đầu tại Lexington và Concord, người Mỹ đã từng tin tưởng rằng những hành động của họ đều được thế giới chú ý và vì vậy cuộc cách mạng của họ có ý nghĩa trên toàn thế giới.

Do các khái niệm và ý tưởng khác nhau tồn tại cùng với nền văn hóa đã nuôi dưỡng chúng, có rất nhiều niềm tin và giá trị được hình thành và phát triển từ ngày đầu lập nước vẫn còn ảnh hưởng khá mạnh trong xã hội đương đại, bất chấp những thay đổi về khoa học và kỹ thuật. Theo truyền thuyết của những người "tiên phong" thì việc chinh phục miền đất hoang dã và việc đồng hóa, thay chỗ cho người Mỹ bản địa chính là cách thức tạo nên bản sắc, thực thể chính trị, một nền kinh tế phát triển và cả một nền văn minh tiến bộ và năng động của dân tộc Mỹ. Xung đột và chủ nghĩa cá nhân chính là trung tâm của quá trình này (28).

2. Quan điểm về miền biên cương và hành vi mở rộng giá trị Mỹ

Thuyết miền biên cương (Frontier) của Frederick Jackson Turner (29) nói về những đợt tiến quân lần lượt của những người mở đường, chủ trang trại, những thợ thủ công, rồi đến thương nhân và những người làm dịch vụ... vào miền Tây nước Mỹ. Đáng chú ý khái niệm "miền Tây - miền biên cương" ở đây không cố định: nghĩa là bao giờ ta cũng ở về phía Tây để rời biên cương cứ tiến xa dần bờ biển Đại Tây Dương, băng qua miền Trung Tây rồi đến Viễn Tây. Cái lãnh thổ luôn chuyển động ấy, nơi những người tiên phong khai phá tiếp xúc trực tiếp với đất hoang và các bộ tộc da đỏ - thuộc về một nền văn minh khác hẳn - đã làm nảy sinh những cách xử thế mới, góp phần hình thành tính cách của dân tộc. Turner đã viết "chính nhờ những người tiên phong mà trí tuệ Mỹ đã tạo nên những đặc tính đáng chú ý của mình".

Turner cho rằng công cuộc khai phá lục địa Bắc Mỹ diễn ra không phải không đau đớn, bởi vì người Anh, người Pháp luôn luôn dựng hàng rào ngăn chặn cuộc tiến

quân về lãnh thổ và về văn hóa đó. Thổ dân da đỏ cũng chống cự lại, nhưng cuộc tiến quân ồ ạt theo lời bài ca “hãy tiến về phía Tây, hỡi chàng trai, và hãy lớn lên cùng Tổ quốc” là không thể ngăn cản. Chẳng mấy chốc chủ nghĩa bành trướng sẽ trở thành thuộc tính của nước Mỹ, điều này càng ngày càng rõ khi các bang dần dần được củng cố, chiếm được lãnh thổ nơi sinh ra quốc gia, người Mỹ lại lao ra chinh phục thế giới (30).

Theo ông chính miền biên cương được ra đời nhờ kết quả của phong trào Tây tiến đã làm cho nước Mỹ không phải là một khúc thừa của châu Âu. Miền biên cương đã tạo nên một dân tộc có lẽ có văn hóa thô ráp hơn của châu Âu nhưng giàu thực tế, nhiệt huyết, cá tính và dân chủ hơn. Theo ông nếu nước Mỹ không có miền biên cương hẳn sẽ giống như một châu Âu rệu rã, với những chế độ xã hội bị phân tầng, xung đột giai cấp và hiếm có cơ hội tốt (31). Đây là một thuyết được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng để giải thích cho các đặc điểm văn hóa Mỹ nhưng cũng là một học thuyết bị chỉ trích nhiều nhất. Họ cho rằng ông đã lãng mạn hóa cả một quá trình lịch sử đẫm máu và nước mắt, mà dấu ấn là cuộc chinh phục Mexico, cách thức đối xử gần như diệt chủng đối với người Mỹ bản địa. Đây cũng là một cách tiếp cận để có thể lý giải cho những thái độ nhiệt huyết của người Mỹ lúc họ sẵn sàng ủng hộ các chính sách của Tổng thống trong các trường hợp Mỹ thực hiện can thiệp ra bên ngoài. Lý do chính là vì, cho đến nay, nước Mỹ là một ví dụ sống động về xu hướng bành trướng và mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn thế giới. Khả năng kinh tế và quân sự vượt trội đã tạo điều kiện cho Mỹ nuôi dưỡng ý tưởng gia tăng phạm vi chi phối của mình. Đây là một thực tế gắn liền tất yếu với sự lớn

lớn về kinh tế, quân sự và chính trị của một nước tư bản điển hình như Mỹ. Bên cạnh đó, “tinh thần miền biên cương” vốn từng thúc đẩy người Mỹ thực hiện mở mang lãnh thổ về phía Tây cũng là một yếu tố thúc đẩy đất nước này mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu.

Khi Chiến tranh thế giới lần thứ Hai kết thúc, các nhà sản xuất của Mỹ đã không ngần ngại hướng sang châu Âu, vừa thực hiện chính sách gây ảnh hưởng về chính trị vừa tìm cách mở rộng thị trường. Những diễn biến trong quan hệ Mỹ - Tây Âu đã chứng minh cho những tính toán của Mỹ. Chiến tranh lạnh kết thúc, các nước Đông Âu trở thành một trong những khu vực Mỹ tìm cách can thiệp và gây ảnh hưởng. Hàng hóa Mỹ được đem sang bán tại những thị trường mới vốn khan hiếm hàng hóa trước đây, không mấy khó khăn.

Ngoài quyền lực kinh tế, Mỹ còn muốn củng cố ảnh hưởng chính trị và văn hóa của mình trên mọi nước khác. Trong lĩnh vực luật quốc tế, Mỹ khuyến khích các viện nghiên cứu, hiệp hội tư tham gia vào việc đào sâu, triển khai cơ sở lý thuyết của công pháp quốc tế. Đây là công việc khoa học lúc nào cũng cần thiết và lại càng không thể thiếu trong một thế giới toàn cầu hóa và tiến về kinh tế tri thức. Tuy nhiên, qua đó các nhà trí thức Mỹ cũng góp phần củng cố ưu thế của một tư duy tạm gọi là triết lý tự do Tây phương (*Western liberalism*). Trong vô vàn các hiệp hội và cơ sở nghiên cứu ấy, không kể đến các nhóm thuộc các đại học nổi tiếng như Yale và Harvard, chỉ xin nhắc đến hội *American Society of International Law (ASIL)* và viện *International Law Institute (ILI)*, có mục tiêu chính thức là phổ biến đến tất cả các nước những hiểu biết và kinh nghiệm để góp phần phát triển hệ thống luật quốc tế.